TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 428/2019/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý.

2. Ông Phan Phục.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Tòa nhà Vincom C, số 72 L, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – sinh năm 1961; Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Quốc T – sinh năm 1968, theo văn bản ủy quyền số 12/2019/EIBQ4/UQ-GĐ ngày 01/4/2019 (có mặt).

Địa chỉ: 198 H, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Xuân N – sinh năm 1988 (vắng mặt lần thứ 2).

Địa chỉ: 2/85 đường S, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần V và các bản tự khai của ông Hồng Quốc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/1/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Xuân N (gọi tắt là ông N) có ký hợp đồng, theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, với nội dung: Ngân hàng phát hành cho ông N sử dụng thẻ quốc tế với hạn mức 100.000.000đ, thời hạn sử dụng 01 năm.

Quá trình sử dụng thẻ ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Tính đến ngày 06/8/2019 ông N đã thanh toán cho Ngân hàng 99.949.900đ, trong đó nợ gốc: 62.929.067đ, lãi: 8.253.300đ, phí trễ hạn: 27.858.733đ và phí thường niên: 908.800đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2019 là 70.875.095đ, trong đó nợ gốc 67.953.153đ, nợ lãi 2.921.942đ. và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, nhưng ông N không đến để tự khai, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay.

Ông Hồng Quốc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền còn thiếu theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 04/1/2018 giữa Ngân hàng và ông N, tính đến ngày 30/9/2019 là 61.809.237đ, trong đó nợ gốc 59.783.341đ, nợ lãi 2.025.896đ và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 30/9/2019 đến khi thi hành xong khoản nợ, theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sở dĩ, số tiền Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán tính đến ngày 30/9/2019 ít hơn số tiền mà Ngân hàng yêu cầu theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 là do quá trình khởi kiện, hàng tháng ông N có trả tiền cho Ngân hàng, nhưng số tiền đó không đúng theo quy định của hợp đồng. Hiện số nợ của ông N đang ở nhóm nợ xấu, cần thu hồi trước hạn.

Bị đơn - ông N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật; ông N vắng mặt lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần V; giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ

quốc tế ngày 04/01/2018 và kết quả xác minh ngày 10/6/2019 của Công an Phường X, quận T thể hiện ông N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 2/85 đường S, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Lần thứ nhất vào ngày 09/9/2019, lần thứ hai ngày 30/9/2019), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán tiền nợ là 61.809.237đ, trong đó nợ gốc 59.783.341đ, nợ lãi 2.025.896đ. Tòa án xét thấy:

Căn cứ bản sao giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 04/01/2019 thì giữa Ngân hàng và ông N đã giao kết hợp đồng dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ. Thực hiện hợp đồng ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo bảng chiết tính của Ngân hàng, tính đến ngày 30/9/2019 số nợ còn lại của ông N gồm: Tiền nợ gốc: 59.783.341đ, nợ lãi 2.025.896đ, tổng cộng: 61.809.237đ.

Quá trình giải quyết vụ án ông N không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với ông N, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trong quá trình tham gia tố tụng để giải quyết. Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông N phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2019 là 61.809.237đ, trong đó nợ gốc gốc: 59.783.341đ, nợ lãi 2.025.896đ.

[4] Đối với yêu cầu ông N phải thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ của Ngân hàng, Tòa án xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc ông N phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 04/01/2018 cho Ngân hàng đến khi thi hành án xong.

[5] Về thời hạn thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán ngay số nợ trên khi bản án có hiệu lực. Tòa án xét thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nên việc Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán ngay khoản nợ trên ngay khi bản án có hiệu lực là có cơ sở, không trái quy định pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông N phải chịu 3.090.468đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng 2.345.050đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

a. Buộc ông Trần Xuân N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2019 theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 04/01/2019, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 59.783.341đ (năm mươi chín triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng).

Nợ lãi quá hạn: 2.025.896đ (hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng).

Tổng cộng: 61.809.237đ (sáu mươi mốt triệu tám trăm lẻ chín ngàn hai trăm ba mươi bảy đồng).

b. Kể từ ngày 01/10/2019, ông Trần Xuân N tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 04/01/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Trần Xuân N cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về thời hạn thi hành án: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm là 3.090.468đ (ba triệu không trăm chín mươi ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) do ông Trần Xuân N chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 2.345.050đ (hai triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038292 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Bình, TP. HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình, TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tiến Quang